

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước  
của Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;*

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 12/GP-UBND ngày 11/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ngày 07/12/2020 của Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1368/TTr-STNMT ngày 22/12/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 12/GP-UBND ngày 11/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam;
  - Địa chỉ: Số 55 TT2, Khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội;
  - Mã số thuế: 0108755366;
2. Công trình khai thác, sử dụng nước: 02 giếng khai thác nước dưới đất nằm trong khu đất của Nhà máy may xuất khẩu Speed Motion Thanh Hóa tại xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Chỉ phục vụ cho hoạt động của Nhà máy may xuất khẩu Speed Motion Thanh Hóa thuộc công ty; không thực hiện việc kinh doanh bán nước ra ngoài phạm vi công ty.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác:

-  $G_1 = 70.000$  đồng/ $m^3$  (Mức giá nước dưới đất dùng cho mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp);

-  $G_2 = 5.000$  đồng/ $m^3$  (Mức giá nước dưới đất dùng cho mục đích tạo hơi).

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

- Sản lượng dùng cho mục đích sinh hoạt:

$$W_1 = 27 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm} \times 1.825 \text{ ngày} \times 300/365 \text{ ngày} = 40.500 \text{ m}^3;$$

- Sản lượng dùng cho mục đích tưới cây, rửa đường:

$$W_2 = 9,5 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm} \times 1.825 \text{ ngày} \times 300/365 \text{ ngày} = 14.250 \text{ m}^3;$$

- Sản lượng dùng cho mục đích tưới cây, rửa đường:

$$W_3 = 3,5 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm} \times 1.825 \text{ ngày} \times 300/365 \text{ ngày} = 5.250 \text{ m}^3;$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác nước theo thời hạn của giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (từ ngày 25/12/2020 đến hết ngày 24/12/2025).

6. Hệ số điều chỉnh (K):  $K = 1 + (0,3 + 0 + 0,1) = 1,4$ .

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

-  $M_1 = 1,5\%$  (Mức thu khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp);

-  $M_2 = 0,2\%$  (Mức thu khai thác nước dùng cho tạo hơi).

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

- Số tiền phải nộp cho mục đích sinh hoạt:

$$T_1 = W_1 \times G_1 \times K \times M_1 = 40.500 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 \times 1,4 \times 1,5\% = 59.535.000 \text{ đồng};$$

- Số tiền phải nộp cho mục đích tưới cây, rửa đường:

$$T_2 = W_2 \times G_1 \times K \times M_1 = 14.250 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 \times 1,4 \times 1,5\% = 20.947.500 \text{ đồng};$$

- Số tiền phải nộp cho mục đích làm mát, tạo hơi:

$$T_3 = W_3 \times G_2 \times K \times M_2 = 5.250 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 \times 1,4 \times 0,2\% = 73.500 \text{ đồng};$$

- Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

$$T = T_1 + T_2 + T_3 = 80.556.000 \text{ đồng} \text{ (Tám mươi triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng)}.$$

9. Phương án nộp tiền: Nộp hàng năm và phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên (2020): 308.982 đồng;

- Số tiền phải nộp hàng năm tiếp theo (2021-2024): 16.111.200 đồng;

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng (2025) (tính đến hết ngày 24/12/2025): 15.802.218 đồng.

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo thông báo của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa.

11. Trường hợp có vướng mắc, Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

**Điều 2.** Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trước ngày 15/12*); đồng thời chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm:

- Ban hành thông báo đến Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách Nhà nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (*nếu có*) và gửi Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành;

- Định kỳ hàng năm (*trước ngày 15/12*) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách Nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa để theo dõi;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật;

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND huyện Thọ Xuân; UBND xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân; Chủ tịch UBND xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân; Giám đốc Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN, KTTC (20.53295).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Thi**